

BẢNG TUYỂN DƯỠNG HỌC SINH GIỎI
GIẢI ĐOẠN 1 – HKI
NĂM HỌC 2021 - 2022

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM TB
1	Võ Công Tấn An	10C1	8.6
2	Nguyễn Thành Đạt	10C1	8.3
3	Nguyễn Thành Đạt	10C1	8.1
4	Nguyễn Hoàng Luân	10C1	8.3
5	Huỳnh Ngọc Trúc Mai	10C1	8.3
6	Phạm Thành Nhân	10C1	8.5
7	Lê Thị Hoàng Anh	10C2	8.5
8	Giáp Nguyễn Duy Bảo	10C2	8.6
9	Nguyễn Chí Bảo	10C2	9.1
10	Phạm Nguyễn Hương Duyên	10C2	8.9

BẢNG TUYÊN DƯƠNG HỌC SINH GIỎI
GIẢI ĐOẠN 1 – HKI
NĂM HỌC 2021 - 2022

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM TB
11	Mai Nhật Huy	10C2	8.6
12	Đặng Nguyễn Duy Hưng	10C2	8.2
13	Lê Diễm Khang	10C2	9.3
14	Đặng Thị Trúc Lan	10C2	8.4
15	Đào Kim Ngân	10C2	8.4
16	Trần Gia Hồng Phúc	10C2	8.6
17	Phạm Thị Như Quỳnh	10C2	8.7
18	Lê Thị Ngọc Trâm	10C2	8.6
19	Văn Thị Diễm Trinh	10C2	9.7
20	Trần Thanh Tuấn	10C2	8.7

BẢNG TUYÊN DƯƠNG HỌC SINH GIỎI
GIẢI ĐOẠN 1 – HKI
NĂM HỌC 2021 - 2022

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM TB
21	Lại Ngọc Khánh Vân	10C2	8.9
22	Lê Quốc Việt	10C2	9.5
23	Nguyễn Thị Ngọc Yến	10C2	9.3
24	Lê Quỳnh Anh	10C3	9.4
25	Nguyễn Thị Thùy Dương	10C3	8.5
26	Lê Huỳnh Gia Hân	10C3	8.1
27	Nguyễn Minh Hiếu	10C3	8.6
28	Phạm Lê Quốc Huy	10C3	8.7
29	Phạm Hoàng Lộc	10C3	9.1
30	Nguyễn Minh Luân	10C3	8.1

BẢNG TUYỂN DƯỠNG HỌC SINH GIỎI
GIẢI ĐOẠN 1 – HKI
NĂM HỌC 2021 - 2022

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM TB
31	Nguyễn Thị Diễm My	10C3	8.4
32	Nguyễn Trọng Nghĩa	10C3	8.5
33	Hồ Nguyễn Quỳnh Như	10C3	8.1
34	Nguyễn Thị Ngọc Tiên	10C3	9.2
35	Nguyễn Thị Thùy Trang	10C3	8.4
36	Nguyễn Thị Thanh Trúc	10C3	8.7
37	Lê Nguyễn Bảo Trân	10C4	8.4
38	Trần Lâm Minh Nhật	10C5	8.1
39	Nguyễn Thị Ngọc Châu	10C6	8.4
40	Trần Trí Cường	10C6	8.1

BẢNG TUYỂN DƯỠNG HỌC SINH GIỎI
GIẢI ĐOẠN 1 – HKI
NĂM HỌC 2021 - 2022

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM TB
41	Đậu Nguyễn Ái Nhi	10C6	8.7
42	Bùi Tuấn Phong	10C6	8.6
43	Chu Thế Anh	10C7	8.5
44	Đàm Tú Hồng	10C7	8.4
45	Phạm Phan Kim Hồng	10C7	8.5
46	Trần Gia Kiệt	10C7	8.9
47	Đặng Thị Yến Linh	10C7	8
48	Nguyễn Thị Kim Tuyền	10C7	8.8
49	Huỳnh Ngọc Yến Vy	10C7	8.3
50	Nguyễn Phạm Thành Ân	10C8	8.4

BẢNG TUYỂN DƯỠNG HỌC SINH GIỎI
GIẢI ĐOẠN 1 – HKI
NĂM HỌC 2021 - 2022

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM TB
51	Hà Lê Ngọc Dung	10C8	8.5
52	Nguyễn Thị Hương	10C8	8.5
53	Hồ Mai Tuyết Nhi	10C8	8.4
54	Hoàng Tuấn Ninh	10C8	8.5
55	Trần Dương Hải Sơn	10C8	8.0
56	Nguyễn Thanh Thảo	10C8	8.1
57	Hà Hoàng Thắng	10C8	8.4
58	Trần Thị Nhàn	10C9	8.5
59	Nguyễn Hằng Nhã Phương	10C10	8.2
60	Bùi Minh Trung	11B1	8.3

BẢNG TUYỂN DƯỠNG HỌC SINH GIỎI
GIẢI ĐOẠN 1 – HKI
NĂM HỌC 2021 - 2022

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM TB
61	Dương Bá Hoàng Bảo	11B2	8.8
62	Trần Ngọc Duyên	11B2	8.2
63	Đỗ Gia Hân	11B2	9.4
64	Dương Nguyễn Minh Khang	11B2	9.1
65	Trần Thị Thanh Lam	11B2	9
66	Phạm Thị Như Quỳnh	11B2	8.2
67	Trần Thị Ngọc Thúy	11B2	8.2
68	Nguyễn Thị Thủy Tiên	11B2	9.3
69	Lê Văn Vũ	11B2	8.8
70	Phan Thị Minh Châu	11B3	9.4

BẢNG TUYỂN DƯỠNG HỌC SINH GIỎI
GIẢI ĐOẠN 1 – HKI
NĂM HỌC 2021 - 2022

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM TB
71	Phạm Thị Cẩm Đoan	11B3	8.1
72	Phan Phạm Thanh Huy	11B3	8.6
73	Nguyễn Thị Yến Hương	11B3	8.7
74	Nguyễn Đăng Khôi	11B3	8.4
75	Nguyễn Thanh Kiên	11B3	8.9
76	Nguyễn Anh Kiệt	11B3	8.5
77	Lê Thị Thanh Linh	11B3	8.3
78	Kim Huệ Mẫn	11B3	8.6
79	Trần Quang Thanh Nam	11B3	9.2
80	Trần Lê Bảo Ngọc	11B3	8.3

BẢNG TUYỂN DƯỠNG HỌC SINH GIỎI
GIẢI ĐOẠN 1 – HKI
NĂM HỌC 2021 - 2022

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM TB
81	Nguyễn Thị Huỳnh Như	11B3	8.7
82	Phạm Thị Thanh Thảo	11B3	9.2
83	Nguyễn Thị Thúy Thơm	11B3	8.7
84	Nguyễn Ngọc Thư	11B3	9.1
85	Võ Nguyễn Hoài Thương	11B3	8.4
86	Trần Ngọc Huyền Trang	11B3	8.2
87	Trần Thúy Trinh	11B3	8.8
88	Mai Thị Kim Tuyền	11B3	9.1
89	Phạm Thị Ánh Tuyết	11B3	8.6
90	Nguyễn Thúy Vy	11B3	8.8

BẢNG TUYÊN DƯƠNG HỌC SINH GIỎI
GIẢI ĐOẠN 1 – HKI
NĂM HỌC 2021 - 2022

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM TB
91	Lê Phan Tiến Nam	11B4	8.3
92	Nguyễn Huỳnh Tấn Phát	11B4	8
93	Nguyễn Đặng Hoàng Sang	11B4	8
94	Nguyễn Thị Phương Thùy	11B4	8.1
95	Trần Ngọc Kim Tuyền	11B4	8.2
96	Trần Hạ Triều Vy	11B4	8.1
97	Lã Thị Linh Giang	11B5	8.4
98	Huỳnh Thị Mỹ Kim	11B5	8.2
99	Nguyễn Thị Ngọc Mai	11B5	8.6
100	Diệp Lê Xuân Nhi	11B5	8.4

BẢNG TUYỂN DƯỠNG HỌC SINH GIỎI
GIẢI ĐOẠN 1 – HKI
NĂM HỌC 2021 - 2022

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM TB
101	Hồ Mỹ Phương	11B5	8.4
102	Phùng Thị Thanh Thảo	11B5	8.6
103	Nguyễn Tường Vy	11B5	8.9
104	Lê Văn Thành Công	11B6	8.6
105	Nguyễn Phạm Triều Dương	11B6	8.2
106	Nguyễn Đình Minh Hiếu	11B6	8.8
107	Vũ Dương Bảo Kha	11B6	8.2
108	Trương Như Phát	11B6	8.2
109	Nguyễn Thanh Phúc	11B6	8.1
110	Nguyễn Ngọc Bích Trâm	11B6	8.0

BẢNG TUYÊN DƯƠNG HỌC SINH GIỎI
GIẢI ĐOẠN 1 – HKI
NĂM HỌC 2021 - 2022

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM TB
111	Lê Thị Mỹ Duyên	11B7	8.4
112	Nguyễn Lê Kha	11B7	8.3
113	Lâm Đức Thắng	11B7	8.5
114	Ngô Thị Thuý Vy	11B7	8.4
115	Lê Thị Trung Nguyên	11B8	8.5
116	Nguyễn Thị Thu Nhân	11B8	8.4
117	Trịnh Hoài Tâm	11B8	8
118	Nguyễn Phúc Kim Thoa	11B8	8.1
119	Hà Anh Thư	11B8	8.6
120	Phạm Đình Thực	11B8	8.5

BẢNG TUYỂN DƯỠNG HỌC SINH GIỎI
GIAI ĐOẠN 1 – HKI
NĂM HỌC 2021 - 2022

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM TB
121	Huỳnh Minh Duy	11B9	8.2
122	Đặng Kim Nhân	11B9	8.2
123	Nguyễn Thị Quỳnh Như	11B9	8
124	Phạm Đức Thường	11B9	8.2
125	Đoàn Thanh Tuyền	11B9	8.2
126	Đinh Thị Ngọc Bích	12A1	8.7
127	Nguyễn Thành Chung	12A1	9.3
128	Võ Văn Dĩ	12A1	8.4
129	Nguyễn Thị Ngọc Diễm	12A1	8.5
130	Vũ Quốc Huy	12A1	9

BẢNG TUYỂN DƯỠNG HỌC SINH GIỎI
GIẢI ĐOẠN 1 – HKI
NĂM HỌC 2021 - 2022

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM TB
131	Phạm Ngọc Lân	12A1	8.7
132	Nguyễn Ngọc Ánh Linh	12A1	8.8
133	Lê Phương Long	12A1	8.2
134	Thi Lê Thành Long	12A1	8.9
135	Trần Phú Lộc	12A1	8.5
136	Đoàn Thị Yến My	12A1	8.3
137	Nguyễn Trọng Nghĩa	12A1	8.4
138	Phạm Mai Uyên Nhi	12A1	8.7
139	Hoàng Thị Kim Như	12A1	9.3
140	Phan Hoàng Phúc	12A1	8.4

BẢNG TUYỂN DƯỠNG HỌC SINH GIỎI
GIẢI ĐOẠN 1 – HKI
NĂM HỌC 2021 - 2022

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM TB
141	Lê Bích Phương	12A1	9
142	Tô Ngọc Uyên Phương	12A1	8.7
143	Nguyễn Lê Kim Quý	12A1	9.1
144	Bùi Văn Sang	12A1	8.5
145	Nguyễn Phúc Sang	12A1	8.9
146	Hoàng Thái Sơn	12A1	9.1
147	Nguyễn Thị Thảo	12A1	9
148	Phạm Hùng Thịnh	12A1	8.9
149	Huỳnh Thanh Thuận	12A1	9.1
150	Lê Văn Tiến	12A1	9

BẢNG TUYỂN DƯỠNG HỌC SINH GIỎI
GIẢI ĐOẠN 1 – HKI
NĂM HỌC 2021 - 2022

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM TB
151	Nguyễn Trung Tính	12A1	8.6
152	Nguyễn Thị Ngọc Trân	12A1	8.8
153	Nguyễn Thị Tú Trinh	12A1	9.2
154	Phạm Anh Tuấn	12A1	9.3
155	Tô Ngọc Phương Uyên	12A1	8.8
156	Trần Đình Yến Vy	12A1	8.8
157	Lê Hồng Xuân	12A1	8.4
158	Nguyễn Hoàng Yến	12A1	8.9
159	Mai Hoàng An	12A2	8.8
160	Lê Thị Ngọc Châm	12A2	8.5

BẢNG TUYỂN DƯỠNG HỌC SINH GIỎI
GIẢI ĐOẠN 1 – HKI
NĂM HỌC 2021 - 2022

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM TB
161	Lưu Ngọc Dung	12A2	8.4
162	Hàng Thanh Duyên	12A2	8.8
163	Phạm Nguyễn Hồng Đào	12A2	8.2
164	Nguyễn Tấn Đạt	12A2	8
165	Tổng Thị Cẩm Hà	12A2	8.3
166	Nguyễn Thị Ngọc Hân	12A2	8.4
167	Lê Hồ Minh Huy	12A2	8.6
168	Lê Trần Minh Huy	12A2	8.4
169	Phạm Thị Thanh Hương	12A2	8.3
170	Huỳnh Thị Thiên Kim	12A2	8.2

BẢNG TUYỂN DƯỠNG HỌC SINH GIỎI
GIẢI ĐOẠN 1 – HKI
NĂM HỌC 2021 - 2022

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM TB
171	Phan Vĩnh Lộc	12A2	8.1
172	Nguyễn Ngọc My	12A2	8.3
173	Bùi Thị Kim Ngân	12A2	8.4
174	Nguyễn Thị Bảo Ngân	12A2	8.4
175	Thái Văn Nguyên	12A2	8.6
176	Nguyễn Thị Minh Như	12A2	8.4
177	Nguyễn Thị Quỳnh Như	12A2	8.1
178	Nguyễn Lê Ngọc Phát	12A2	8.4
179	Trần Phú Thiện	12A2	8.5
180	Võ Thị Kim Thư	12A2	9.1

BẢNG TUYỂN DƯỠNG HỌC SINH GIỎI
GIẢI ĐOẠN 1 – HKI
NĂM HỌC 2021 - 2022

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM TB
181	Dương Thị Đoan Trang	12A2	8.6
182	Nguyễn Thị Thùy Trang	12A2	8.5
183	Trần Thị Thanh Trúc	12A2	8.5
184	Huỳnh Thị Như Ý	12A2	8.3
185	Nguyễn Duy Hoàng Anh	12A3	8.4
186	Nguyễn Hoàng Phương Anh	12A3	8.3
187	Nguyễn Văn Đạt	12A3	8.8
188	Trần Minh Đức	12A3	8.5
189	Nguyễn Minh Hoàng	12A3	8.2
190	Cao Đỗ Nhất Khang	12A3	8.5

BẢNG TUYỂN DƯỠNG HỌC SINH GIỎI
GIAI ĐOẠN 1 – HKI
NĂM HỌC 2021 - 2022

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM TB
191	Tạ Hoàng Nam	12A3	8.2
192	Lý Thị Tú Oanh	12A3	8.3
193	Nguyễn Thị Quỳnh	12A3	8.2
194	Huỳnh Thị Thu Thảo	12A3	8.6
195	Huỳnh Minh Thuận	12A3	8.8
196	Lê Hà Tấn Thuận	12A3	8.5
197	Nguyễn Ngọc Giang Tuấn	12A3	8.4
198	Nguyễn Thị Anh Thư	12A3	8.3
199	Phạm Thế Anh	12A4	8.4
200	Nguyễn Ngọc Diễm	12A4	8.5

BẢNG TUYỂN DƯỠNG HỌC SINH GIỎI
GIẢI ĐOẠN 1 – HKI
NĂM HỌC 2021 - 2022

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM TB
201	Lê Thị Thuỳ Dung	12A4	8.6
202	Lê Văn Tùng Dương	12A4	8.2
203	Bùi Thị Bắc Giang	12A4	8.4
204	Hồ Ngọc Hân	12A4	8.3
205	Lê Võ Ngọc Hân	12A4	8.7
206	Phạm Trương Minh Hoàng	12A4	8.1
207	Lữ Phi Hùng	12A4	8.4
208	Võ Gia Huy	12A4	8.5
209	Nguyễn Thị Ngọc Hương	12A4	8.1
210	Đinh Minh Khôi	12A4	8.7

BẢNG TUYỂN DƯỠNG HỌC SINH GIỎI
GIẢI ĐOẠN 1 – HKI
NĂM HỌC 2021 - 2022

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM TB
211	Trần Nguyễn Trường Lộc	12A4	8.3
212	Roh Sa Ni	12A4	8.4
213	Huỳnh Nhật Quang	12A4	8.2
214	Nguyễn Thị Như Quỳnh	12A4	8.8
215	Nguyễn Danh Tài	12A4	8.2
216	Trần Dương Quốc Tài	12A4	8.4
217	Nguyễn Chiến Thắng	12A4	8.5
218	Bùi Vũ Yên Uyên	12A4	8.5
219	Dương Quốc Đạt	12A5	8.3
220	Phan Thị Anh Thư	12A5	8.4

BẢNG TUYỂN DƯỠNG HỌC SINH GIỎI
GIẢI ĐOẠN 1 – HKI
NĂM HỌC 2021 - 2022

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM TB
221	Nguyễn Thị Thúy An	12A6	8.7
222	Trần Nguyễn Châu Anh	12A6	8.9
223	Vũ Lê Minh Anh	12A6	8.2
224	Nguyễn Ngọc Bảo Châu	12A6	8.7
225	Zul Ni Dah	12A6	9.1
226	Trần Minh Đạt	12A6	8.7
227	Quách Thị Kim Hân	12A6	8.5
228	Đoàn Lâm Hiền Hòa	12A6	8.1
229	Tôn Huy Hoàng	12A6	8.1
230	Văn Gia Hội	12A6	8.2

BẢNG TUYỂN DƯỠNG HỌC SINH GIỎI
GIẢI ĐOẠN 1 – HKI
NĂM HỌC 2021 - 2022

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM TB
231	Bùi Lê Ngọc Huyền	12A6	8.5
232	Nguyễn Xuân Hương	12A6	9.1
233	Võ Minh Khánh	12A6	8.6
234	Lưu Thị Thanh Kim	12A6	8.9
235	Nguyễn Trà My	12A6	8.4
236	Nguyễn Ngọc Phương Ngân	12A6	9.0
237	Phạm Kim Ngọc	12A6	8.1
238	Nguyễn Thị Kim Như	12A6	8.6
239	Nguyễn Minh Thiện	12A6	8.4
240	Phan Trường Giang Thủy	12A6	8.2

BẢNG TUYỂN DƯỠNG HỌC SINH GIỎI
GIẢI ĐOẠN 1 – HKI
NĂM HỌC 2021 - 2022

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM TB
241	Huỳnh Anh Thư	12A6	8.8
242	Nguyễn Huỳnh Anh Thư	12A6	8.9
243	Phạm Hoàng Anh Thư	12A6	8.3
244	Nguyễn Thị Cẩm Vân	12A6	8.6
245	Dương Các Tường Vy	12A6	8.6
246	Nguyễn Thị Hồng Yến	12A6	9.1
247	Trương Trâm Kim Chi	12A7	8.5
248	Phan Thụy Quỳnh Như	12A7	8.1
249	Đỗ Lê Tấn Sang	12A7	8.0
250	Bùi Vĩnh Hưng	12A8	8.5

BẢNG TUYỂN DƯỠNG HỌC SINH GIỎI
GIẢI ĐOẠN 1 – HKI
NĂM HỌC 2021 - 2022

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM TB
251	Lại Ngọc Hương Lan	12A8	8.6
252	Mo Ham Mad Layla	12A8	8.2
253	Trần Ngọc Ly Ly	12A8	8.4
254	Đỗ Hương Nhi	12A8	8.2
255	Ca Đoàn Ngọc Nữ	12A8	8.2
256	Nguyễn Khánh Phong	12A8	8.2









